

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 168/2001/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc định hướng dài hạn, kế hoạch 5 năm 2001 - 2005
và những giải pháp cơ bản phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công nghiệp và Bộ trưởng, Chủ nhiệm ủy ban Dân tộc và Miền núi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định hướng dài hạn, kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và những giải pháp cơ bản phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên (bao gồm các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum và Lâm Đồng) nhằm phát huy những tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tạo sự phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, tiến tới trở thành một trong những vùng kinh tế động lực của cả nước. Từng bước cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân, trước hết là vùng đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, trong sạch, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng. Mục tiêu phát triển chủ yếu là:

1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đến năm 2005 gấp 2,0 lần so với năm 2000, tăng bình quân khoảng 9%/năm, trong đó công nghiệp tăng 16%/năm, nông lâm

nghiệp tăng 7%/năm, dịch vụ tăng 12%/năm tổng sản phẩm bình quân đầu người tăng gấp 1,5 lần so với năm 2000.

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng hóa, chuyên môn hóa, có hiệu quả và có sức cạnh tranh cao, tăng dần tỷ trọng của ngành công nghiệp - xây dựng, ngành dịch vụ, giảm dần tỷ trọng của ngành nông, lâm ngư nghiệp trong GDP. Đến năm 2005 tỷ trọng của các ngành trên là 22; 25; 53. Trong nông nghiệp tập trung phát triển loại nông sản góp phần thay thế hàng nhập khẩu như: ngô, đậu tương, bông, thuốc lá, bò sữa,... đồng thời tiếp tục phát triển các mặt hàng nông sản có lợi thế xuất khẩu như: cà phê, cao su, tiêu, điều, bột giấy, gỗ, rau, hoa,... theo hướng thâm canh cao, nâng cao chất lượng và hiệu quả góp phần nâng kim ngạch xuất khẩu, để đến năm 2005 có mức xuất khẩu bình quân đầu người đạt 200 đô la Mỹ/năm.

3. Đến năm 2005 không còn hộ đói, không còn xã đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 13%; 100% người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cùng xã nơi cư trú.

4. Hầu hết các xã có đường ô tô đến trung tâm xã, có điểm bưu điện văn hóa, về cơ bản, người dân được dùng nước sạch từ giếng, nước máy hoặc bể chứa; 90% số xã có điện.

5. Tất cả các trạm y tế có đủ điều kiện (điện, nước, thiết bị, thuốc, cán bộ y tế) để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

6. Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ các xã chưa đạt chuẩn. Đến năm 2005 có 30% số xã và tất cả các thành phố, thị xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở; có 18 - 20% số lao động làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân đã qua đào tạo; mỗi huyện có ít nhất 1 trường nội trú; hầu hết các huyện, thị xã, thị trấn, thành phố có cơ sở dạy nghề ngắn hạn.

7. Giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội, nâng cao dân trí và cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân, đặc biệt là đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

8. Thực hiện tốt an ninh chính trị, bảo đảm quốc phòng vững mạnh.

Điều 2. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực.

I. Về sản xuất nông, lâm nghiệp.

Nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm 7%, trên cơ sở chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, tập trung, chuyên canh, phù hợp với điều kiện sinh thái từng địa phương, nâng cao mức thu nhập trên một đơn vị diện tích đất canh tác gấp hơn 2,0 lần so với năm 2000.

1. Về sản xuất lương thực: Mức sản lượng khoảng 1,5 triệu tấn, tập trung phát triển ngô lai (nhất là giống ngô cao đậm), sắn cao sản, nhằm phát huy thế mạnh của vùng để giải quyết lương thực cho người và sản xuất thức ăn chăn nuôi và các ngành công nghiệp sử dụng nguyên liệu từ sắn.

a) Cây lúa: Tập trung áp dụng các biện pháp thâm canh và tăng tỷ lệ sử dụng giống lúa lai trên diện tích lúa hiện có, chỉ mở rộng diện tích lúa nước ở những nơi có điều kiện. Đặc biệt ưu tiên xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ để sản xuất lương thực tại chỗ cho đồng bào vùng sâu, vùng xa.

b) Cây màu: Tây Nguyên có nhiều tiềm năng để phát triển mạnh cây màu như: ngô, sắn. Cần hình thành vùng sản xuất ngô, nhất là ngô lai theo hướng tập trung, chuyên canh đến năm 2005 đạt sản lượng khoảng 1,0 triệu tấn/năm. Hình thành vùng sắn tập trung ở nơi có điều kiện, bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến từ nguyên liệu sắn.

2. Về cây công nghiệp:

a) Cây cà phê: Không mở thêm diện tích trồng mới, chuyển diện tích cà phê già cỗi, xấu không có khả năng giải quyết nước tưới sang trồng cây khác có hiệu quả kinh tế cao hơn. Chuyển một phần diện tích cà phê vối sang cà phê chè ở nơi có điều kiện. Tập trung thâm canh, cải tạo giống trên diện tích còn lại. Ủy ban nhân dân các tỉnh Tây Nguyên rà soát lại diện tích cà phê hiện có, xây dựng cơ chế chính sách, hướng dẫn cụ thể việc giảm, chuyển diện tích cà phê sang trồng cây trồng khác. Tổng công ty Cà phê Việt Nam, các tỉnh Tây Nguyên đến năm 2005 hoàn thành việc đầu tư các cơ sở chế biến (thô, tinh), cơ sở sau thu hoạch như sân phơi, sấy,... nhằm nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn và sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới.

b) *Cây cao su*: Chỉ tiếp tục trồng mới theo quy hoạch của dự án vay vốn AFD trong các công ty cao su quốc doanh và cao su tiểu điền vay vốn dự án WB (dự án đa dạng hóa nông nghiệp), ưu tiên trồng ở vùng biên giới. Tiếp tục đầu tư, thâm canh diện tích hiện có. Đến năm 2005 có khoảng 120.000 ha.

Tổng công ty Cao su Việt Nam, các tỉnh Tây Nguyên phải hoàn thành việc đầu tư nâng cấp các cơ sở chế biến (sơ chế cao su) và điều chỉnh cơ cấu sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường để sau năm 2010 hình thành ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm từ mủ cao su.

c) *Cây chè*: Tập trung thâm canh diện tích chè hiện có, chỉ trồng mới ở những nơi có điều kiện, chủ yếu ở Lâm Đồng. Thay thế dần giống chè hiện có bằng giống chè mới có năng suất và chất lượng phù hợp với thị trường trong nước và ngoài nước. Đến năm 2005 diện tích đạt khoảng 23.000 ha. Tiếp tục đầu tư xây dựng mới và cải tạo nâng cấp các cơ sở chế biến, nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm, tính cạnh tranh trên thị trường.

d) *Cây điều*: Mục tiêu đến năm 2005 có diện tích khoảng 31.000 ha và sau đó nâng lên khoảng 60.000 ha, trên cơ sở cải tạo vườn điều cũ và mở thêm diện tích mới ở vùng đất thích hợp, trồng điều thâm canh, với giống điều có năng suất cao, chất lượng tốt để đạt sản lượng trên 30.000 tấn nhân/năm. Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến nhân hạt điều phù hợp với vùng nguyên liệu tại chỗ, nhằm giải quyết thêm việc làm cho dân.

đ) *Cây mía*: Tiếp tục mở thêm diện tích trồng mới bảo đảm đủ nguyên liệu mía cho các nhà máy đường hiện có. Thực hiện biện pháp thâm canh, nâng tỷ lệ diện tích trồng giống mía mới có năng suất và tỷ lệ đường cao, mở rộng diện tích mía có tưới ở nơi có công trình thủy lợi.

e) *Cây bông*: Cần phát triển nhanh cây bông để thay thế nguyên liệu nhập khẩu. Phát triển bông gắn với việc đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi như Easuop thượng, Easuop hạ, Ia Lâu, Ia Mơ để hình thành vùng chuyên canh tập trung và được thâm canh cao. Phấn đấu đến năm 2005 đạt khoảng 25.000 ha và sau đó nâng

dẫn lên trên 50.000 ha, sử dụng rộng rãi giống bông lai có năng suất cao, chất lượng xơ tốt, có thu nhập cao trên một đơn vị diện tích.

g) Cây dâu tằm: Tập trung khôi phục lại vùng trồng dâu, nuôi tằm ở Lâm Đồng. Sau năm 2005 về cơ bản đảm bảo nguyên liệu cho các nhà máy ươm tơ, dệt lụa đã đầu tư ở vùng. Giữ diện tích khoảng 5.000 ha, áp dụng các biện pháp tiến bộ để nâng cao năng suất dâu, đạt sản lượng kén tằm khoảng 2.000 tấn.

h) Cây tiêu: Vẫn là cây trồng có giá trị kinh tế cao ở Tây Nguyên, trong những năm qua phát triển nhanh, hình thành vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh tập trung cao, cần tập trung thâm canh, nâng cao chất lượng số hồ tiêu hiện có.

i) Cây thuốc lá: Trồng ở nơi có điều kiện thuận lợi với các giống có năng suất và chất lượng cao phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của thị trường, vừa bảo đảm cung cấp đủ nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất thuốc lá, vừa có thể xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá.

3. Rau, hoa, quả và các loại cây khác:

a) Về rau, hoa: Chủ yếu trồng ở tỉnh Lâm Đồng, phải hình thành được vùng sản xuất chuyên canh tập trung theo hướng sản xuất công nghiệp với công nghệ tiên tiến tạo ra loại rau, hoa cao cấp đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm để xuất khẩu (đặc biệt là hoa tươi xuất khẩu) và phục vụ nhu cầu trong nước. Đến năm 2005 đạt khoảng 30.000 ha, trong đó khoảng 500 - 600 ha trồng hoa.

b) Về cây ăn quả: Phát triển các loại cây ăn quả có thị trường tiêu thụ và phù hợp với điều kiện thời tiết khí hậu và đất đai của vùng.

c) Cây thực phẩm: Phát huy lợi thế của Tây Nguyên để phát triển mạnh cây đậu tương và các loại đậu đỗ khác. Hình thành vùng chuyên canh tập trung sản xuất hàng hóa, gắn với cơ sở chế biến tại chỗ. Đến năm 2005 có khoảng 100.000 ha.

d) Cây dược liệu: Tiếp tục mở rộng diện tích ở Kon Tum, Đà Lạt và những nơi có điều kiện. Bảo vệ vùng cây dược liệu quý ở Kon Tum.

4. Chăn nuôi và thủy sản:

Tây Nguyên có nhiều tiềm năng và thế mạnh hơn hẳn các vùng khác của cả nước để phát triển chăn nuôi gia súc lớn theo hướng sản xuất hàng hóa, chất lượng cao,